

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08/11/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 156/TTr-SXD ngày 22/5/2024 và Báo cáo số 549/BC-UBND ngày 10/6/2024 của UBND huyện Mai Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn với những nội dung như sau:

1. Khu tái định cư (bổ sung hạng mục công trình)

1.1. San nền khu tái định cư

- Thiết kế san nền chi tiết cho từng lô đất phù hợp với cao độ tự nhiên và cao độ khống chế của đường giao thông; trước khi san nền cần thu dọn mặt bằng, bóc bỏ lớp đất hữu cơ bề mặt trung bình 0,5m; cao độ thiết kế san nền mặt bằng từ +562m ÷ +567m, độ dốc san nền trung bình khoảng (0,7 ÷ 1,2)% đảm bảo cho việc thu gom và thoát nước mặt nhanh, thuận tiện; đắp nền theo từng lớp dày không quá 30cm, sau khi đầm nén đạt độ chặt $K = 0,85$ san tiếp lớp sau cho tới khi đạt tới cao trình thiết kế sai số đầm nén $< 0,03T/m^3$;

- Cao độ san nền đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành, không bị ảnh hưởng bởi ngập lụt; cao độ san nền đáp ứng mặt bằng xây dựng công trình đáp ứng yêu cầu thoát nước mặt và tuân thủ theo cao độ khống chế trên bản đồ quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

1.2. Hệ thống tuyến đường giao thông nội bộ

Tổng chiều dài tuyến khoảng 546,34 m, chia làm 04 tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị TCXDVN 104-2007, cụ thể như sau:

a) *Trắc dọc*: Trắc dọc thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế và cốt cao độ quy hoạch đã được phê duyệt; đảm bảo độ dốc dọc hài hòa trong khu vực của dự án, độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 4,95\%$, độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{\min} = 0,59\%$.

b) *Trắc ngang*: Thiết kế phù hợp với quy hoạch được duyệt với các chỉ tiêu như sau:

- Tuyến 1: Chiều dài $L=104,94m$, chiều rộng nền $B_n = 16,5m$, chiều rộng mặt $B_m=10,5m$, vỉa hè $B_h=2 \times 3=6m$;

- Tuyến 2: Chiều dài $L=181,16m$, chiều rộng nền $B_n = 10,5m$, chiều rộng mặt $B_m=5,5m$, vỉa hè $B_h=2 \times 2,5=5m$;

- Tuyến 3: Chiều dài $L=165,24m$, chiều rộng nền $B_n = 10,5m$, chiều rộng mặt $B_m=5,5m$, vỉa hè $B_h=2 \times 2,5=5m$;

- Tuyến 4: Chiều dài $L=95,00m$, chiều rộng nền $B_n = 10,5m$, chiều rộng mặt $B_m=5,5m$, vỉa hè $B_h=2 \times 2,5=5m$.

c) *Nền đường*:

- Nền đắp: Trong phạm vi thiết kế nền đường tính từ phạm vi hai bên mép ngoài của vỉa hè, bóc bỏ toàn bộ đất yếu; các đoạn có độ dốc ngang lớn ($> 20\%$) được đánh cấp, bề rộng cấp $B < 1m$, đắp đất đầm chặt lớp trên $K = 0,98$; lớp dưới $K = 0,95$;

- Nền đào: Trong phạm vi thiết kế nền đường tính từ phạm vi hai bên mép ngoài của vỉa hè được đào nền vận chuyển sang đắp;

- Xử lý nền móng (*từ cọc C3 ÷ cọc C5 tuyến 1*): Tiến hành bóc bỏ lớp đất hữu cơ và phá đá mờ côi, đào xử lý hang castor đến cos 561,0m sau đó tiến hành đắp đá hộc dày 50cm, đổ bê tông xi măng dày 40cm, sau đó khai thác đất từ mỏ về đắp đầm chặt K95, dưới đáy khuôn đường đầm chặt K98 dày 50cm;

- Kết cấu mặt đường: Trên cơ sở điều kiện địa chất, thủy văn tuyến khảo sát điều kiện kinh tế, để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đề xuất lựa chọn giải pháp thiết kế mặt đường cấp cao A1 ($E_{yc} \geq 120$ Mpa). Kết cấu từ trên xuống cụ thể như sau: Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm/Tuổi nhựa thấm bảm TCN 1kg/m²/Lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm/Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 20cm.

d) Hệ phố, bó vỉa, tấm rãnh tam giác, bó gáy hè, hố trồng cây:

- Vía hè: Lát gạch terrazzo kích thước (30x30x2,8)cm/lớp bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (*mác 150*), với độ dốc 1,5% dốc về phía mặt đường/lớp đất nền đầm chặt K= 0,9;

- Bó vỉa tại mép hè sử dụng vỉa vát bằng bê tông xi măng cấp độ bền B20 (*mác 250*), kích thước (23x26x100)cm và (23x26x50)cm; có bố trí đan rãnh có kích thước (50x30x5)cm, móng đệm vữa xi măng *mác 100* dày 2cm, dưới đổ bê tông cấp độ bền B12,5 (*mác 150*); các tấm đan được lát với độ dốc ngang (3-:-10)% dốc về phía hè đường để tạo thành rãnh gom nước mưa trước khi dẫn nước mưa vào các cửa thu nước;

- Hố trồng cây: Trên vỉa hè thiết kế hố trồng cây, cự ly trung bình khoảng 8m/hố; hố trồng cây hình vuông kích thước (1,2x1,2)m; xây bó bồn hố trồng cây bằng gạch vữa xi măng *mác 75*/ lớp lót xi măng *mác 100* dày 2cm/lớp móng bê tông xi măng B12,5 (*mác 150*); trong hố đổ đất màu, trồng cây bóng mát;

- Nút giao: Lựa chọn quy mô kỹ thuật nút giao cùng mức, nút giao khóa, đồng bộ hoàn chỉnh phù hợp với quy hoạch được duyệt; các nút giao thông được thiết kế hài hòa, tăng tính êm thuận trong quá trình đưa vào khai thác sử dụng;

- Vạch sơn kẻ đường, biển báo hiệu: Đầy đủ theo quy định Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và phù hợp với điều kiện thực tế.

1.3. Hệ thống cấp nước

- Vị trí khởi thủy đầu nổi tại ống HDPE-PE100-PN10-D90mm (*Bên trái đường quốc lộ 6 theo hướng Sơn La*);

- Lưu lượng tại vị trí khởi thủy đầu nổi cung cấp đáp ứng đủ theo nhu cầu, áp lực tại điểm đầu nổi là 15m, thời gian cấp nước từ 12 đến 16 giờ/ngày;

- Mạng cấp nước chính trong khu vực quy hoạch là mạng vòng kết hợp với các nhánh cắt bố trí trên vỉa hè các trục giao thông và được đầu nổi với ống cấp nước hiện có trong khu vực đảm bảo cấp nước đủ cho các đối tượng dùng nước. Các đường ống cấp nước được cấp đến từng khu ở, sử dụng ống HDPE-PE80-PN10 đường kính 90; HDPE-PE80-PN10 đường kính $\Phi 50$, đường ống cấp vào hộ sử dụng ống HDPE-PE80-PN10 có đường kính $\Phi 25$ tạm tính cho mỗi hộ 2m. Đường ống được chôn trên vỉa hè cách chỉ giới xây dựng 0,5m, độ sâu chôn ống tính từ cốt hoàn thiện đến đỉnh ống là 0,65m;

- Hố van được thiết kế đáy lót vữa *mác 50*, đáy và thanh, mố đỡ hố ga đổ bê tông *mác 200*, tấm nắp hố ga được thiết kế làm bằng bê tông cốt thép B15 (*mác 200*), kích thước tùy thuộc vào từng loại hố van;

- Xây dựng hệ thống cấp nước cấp nước PCCC: Đường ống trực chính cấp nước dùng ống HDPE $\Phi 90$, $\Phi 50$, $\Phi 25$ có tổng chiều dài khoảng 1.400,97m; trên tuyến đường bố trí các trụ nước cứu hoả đảm bảo theo quy định.

1.4. Hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được phân thành các lưu vực nhỏ theo độ dốc địa hình để đảm bảo thoát nước nhanh; mạng lưới thoát nước mưa bằng cống bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*) có khẩu độ B600 bố trí trên hè đường có tổng chiều dài tuyến cống khoảng 454m; hố ga nước mưa sử dụng ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*) bố trí trên hè đường với khoảng cách tuân thủ theo QCVN 07-02:2016 và TCVN 7957:2008, cụ thể như sau:

- Cống thoát: sử dụng cống có đường kính B600, kết cấu cống bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*), móng cống bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*);

- Hố ga, hố thu được bố trí để thu nước mặt của hệ thống thoát nước dọc đường; đệm đáy ga bằng bê tông lót cấp độ bền B7,5 (*mác 100*); đáy, thành, nắp ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*); đỉnh ga thăm đáy bằng gang.

1.5. Hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải

1.5.1. Hệ thống thoát nước thải

- Toàn bộ nước thải được thu gom vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực đặt trên đường, sử dụng ống u.PVC-PN6 đường kính từ D110-D200; bố trí ga thu gom, ga thăm nước thải đảm bảo khoảng cách giữa các hố ga tối đa không quá 30m;

- Mạng lưới đường cống thoát nước được bố trí dọc theo tuyến đường thiết kế; các tuyến cống được xây dựng trên vỉa hè; phạm vi phục vụ bao gồm toàn khu vực dự án; trên các trục đường bố trí ga thăm với khoảng cách mỗi ga thăm tuân thủ theo TCVN 7957-2008, đảm bảo phục vụ, hạn chế giao cắt nhiều với các đường dây, đường ống kỹ thuật khác. Hệ thống đường ống thoát nước thải hoạt động theo nguyên tắc tự chảy; mạng lưới thoát nước thải có độ dày h/D theo tiêu chuẩn quy định, vận tốc nước chảy trong ống thỏa mãn QCVN 07-02-2016; mạng lưới chính thu gom nước thải sử dụng ống u.PVC-PN6 đường kính từ D110-D200 thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ng.đ của khu tái định cư.

1.5.2. Hệ thống xử lý nước thải

a) *Phần công nghệ*: Nước thải của dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt, tính chất nước thải không quá phức tạp để xử lý. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 100m³/ngày đêm đảm bảo theo yêu cầu xử lý nước thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Công nghệ xử lý nước thải lựa chọn trong dự án là công nghệ bùn hoạt tính hiếu khí kết hợp thiếu khí (AO) có giá thể vi sinh MBBR; công suất 100m³/ng.đ; đây là công nghệ được dùng phổ biến trong xử lý nước thải sinh hoạt; công nghệ màng vi sinh MBBR là công nghệ tiên tiến, nếu vận hành tốt có khả năng xử lý được nước

thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn cột A, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Phần xây dựng:

- Bể xử lý: Thể tích khoảng 306m³; đáy, thành, nắp bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); trát, láng thành và đáy bể bằng vữa xi măng mác 75, chống thấm theo quy phạm.

- Nhà điều hành: Nhà 01 tầng; chiều dài 5,6m, chiều rộng 3,94m; diện tích xây dựng khoảng 24m²; nhà được xây trên bể xử lý; chiều cao từ cốt nền ±0.000 đến cốt đỉnh mái 3,4m; tường, dầm, trần lãn sơn trực tiếp 03 nước; cửa đi, cửa sổ bằng cửa thép định hình, lắp kính trắng bảo vệ dày 4,5mm; dầm, giằng, sàn mái bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch không nung mác 75 vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; trát trần, dầm vữa xi măng mác 75; mái bê tông cốt thép, quét chống thấm theo quy phạm, láng vữa xi măng mác 75;

- Các hạng mục sân, cổng, tường rào và các chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

1.5.3. Hệ thống cấp điện

a) Di chuyển đường dây 35kV và tuyến cáp quang:

- Dây dẫn 35kV: Sử dụng loại dây nhôm bọc cách điện tiết diện 95/16mm²;

- Cáp quang: Hoàn trả lại tuyến cáp quang tương ứng, sử dụng loại cáp ADSS 300;

- Điểm đầu tuyến: Tại cột di chuyển M133 - đường dây 35kV- lộ 378-E17.2 Sơn La;

- Điểm cuối tuyến: Trạm biến áp xây dựng mới tại Điểm TĐC;

- Cấp điện áp thiết kế: 35kV:

+ Xà: chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp tối thiểu bằng 80μm;

+ Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm (NPC) chiều cao 18m;

+ Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép;

+ Tiếp địa: Sử dụng loại cọc tia hỗn hợp, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành.

1.5.4. Cấp điện cho khu tái định cư

a) Đường dây 35kV xây dựng mới:

- Điểm đầu: Đầu nối tại cột M133 sau di chuyển;

- Điểm cuối tuyến: Tại TBA xây dựng mới;

- Cấp điện áp thiết kế: 35kV:

- + Cột: Sử dụng cột NPC có chiều cao 18m;
- + Dây dẫn: Sử dụng loại dây nhôm bọc cách điện tiết diện 95/16 mm²;
- + Cách điện: cách điện đứng PI-35kV; Chuỗi thủy tinh 35kV;
- + Xà: Chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp tối thiểu bằng 80μm;
- + Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép;
- + Tiếp địa: Sử dụng loại cọc tia hỗn hợp, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành.

b) Trạm biến áp:

- Số lượng MBA: 01 máy;
- Công suất trạm: 250kVA;
- Kiểu trạm: Trạm treo trên cột NPC;
- Loại MBA: Máy biến áp 3 pha, ngâm dầu, làm mát tự nhiên+ Sơ đồ nối điện chính: Đường dây trên không 35kV đến trạm biến áp → Chồng sét van 35kV → Cầu chì tự rơi → Máy biến áp → Tủ hạ thế;
- + Cột trạm: Sử dụng cột NPC;
- + Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép;
- + Tiếp địa trạm: Sử dụng sơ đồ cọc tia hỗn hợp, điện trở tiếp địa đảm bảo theo quy định hiện hành;
- + Giải pháp bảo vệ chống quá điện áp khí quyển: Sử dụng chồng sét van 35kV phía trung thế và chồng sét van hạ thế tại tủ điện hạ áp;
- + Xà: chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp tối thiểu bằng 80μm;
- + Tủ hạ thế: Sử dụng tủ hạ thế 02 lộ ra, loại tủ trọn bộ sơn tĩnh điện;
- + Giải pháp phân lập sự cố, đóng cắt tại tủ hạ thế: Sử dụng Aptomat tổng và 02 Aptomat nhánh;

c) Đường dây 0,4kV:

- Kiểu xây dựng: Đường dây trên không;
- Cột: Sử dụng cột NPC chiều cao 8,5m;
- Móng cột: Sử dụng móng bê tông đúc tại chỗ;
- Tiếp địa: Sử dụng tiếp địa lặp lại loại cọc tia hỗn hợp, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành;

- Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC;

d) Hệ thống công tơ và dây sau công tơ:

- Hòm công tơ: Sử dụng hòm Compuzit;

- Công tơ: Sử dụng công tơ điện tử 1 pha có hỗ trợ chức năng đo xa;
- Đầu nối từ đường dây hạ thế đến hòm công tơ: Sử dụng cáp Muyle, tiết diện phù hợp theo quy định;
- Dây dẫn sau công tơ: Sử dụng dây Cu/XLPE/PVC;
- Giải pháp đóng cắt, bảo vệ công tơ: Sử dụng aptomat lắp sau công tơ, tại vị trí hòm công tơ.

2. Kết cấu mặt đường

Giữ nguyên theo hướng tuyến đã duyệt tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La & số 749/QĐ-UBND ngày 02/04/2022 của UBND huyện Mai Sơn. Thay đổi kết cấu mặt đường từ mặt đường bê tông nhựa cấp cao A1, $E_{yc} \geq 120\text{MPa}$ thành mặt đường bê tông xi măng cấp độ bền B27,5 (*mác 350*) dày 25cm với quy mô giao thông cấp nặng, tải trọng trục 100kN áp dụng cho tuyến 1, tuyến 2; các tuyến còn lại mặt đường bê tông nhựa, cấp cao A1 các tuyến còn lại vẫn giữ nguyên như dự án đã duyệt, đảm bảo cường độ $E_{yc} \geq 120\text{MPa}$.

2.1. Kết cấu áo đường

Mặt đường cứng bê tông xi măng cấp độ bền B27,5 (*mác 350*) áp dụng cho tuyến số 1 và tuyến số 2, kết cấu mặt đường gồm 02 loại sau:

- Kết cấu mặt đường loại 1: Mặt đường bê tông xi măng cấp độ bền B27,5 (*mác 350*) dày 25cm/Láng nhựa dày 1cm TCN 1,2kg/m²/Cấp phối đá dăm gia cố xi măng 5% dày 15cm/ Cấp phối đá dăm loại II dày 18cm/ Đắp đất đạt $K = 0,98$ dày 50 cm đối với nền đường đắp và dày 30cm đối với nền đường đào;

- Kết cấu mặt đường loại 2 (*trên nền đá cấp III, cấp IV*): Mặt đường bê tông xi măng cấp độ bền B27,5 (*mác 350*) dày 25cm/Láng nhựa dày 1cm TCN 1,2kg/m²/Cấp phối đá dăm gia cố xi măng 5% dày 15cm/Nền đường đá C3, C4;

- Bố trí khe co, khe giãn, khe dọc: Được chia thành các tấm nhỏ với kích thước $(B \times L) = (3,5 \times 4,5)\text{m}$. Giữa các tấm bố trí các khe dọc, khe co, khe giãn.

- Khe dọc: Bố trí khe dọc có thanh liên kết tại tim đường & với các tuyến có bề rộng mặt đường $B_m > 3,5\text{m}$. Kết cấu khe dọc có thanh truyền lực như sau:

- + Khe dọc có bề rộng từ 0,3-0,8cm, khe sâu 6cm. Khe được chèn bằng matit;

- + Bố trí thanh truyền lực bằng thép tròn trơn đường kính D14 đặt trên giá đỡ bằng thép tròn D8;

- Khe co giả, khe giãn: Bố trí các khe co giả bao gồm: có thanh truyền lực, không có thanh truyền lực và khe giãn giữa các tấm bê tông xi măng cấp độ bền B27,5 (*mác 350*);

- Kết cấu khe co giả có thanh truyền lực như sau:

- + Khe co giả có bề rộng từ 0,3-0,8cm, khe sâu 6cm, được chèn bằng matit, quét nhựa đường;

+ Bố trí thanh truyền lực bằng thép tròn trơn đường kính D32 đặt trên giá đỡ bằng thép tròn D8;

- Kết cấu khe co giãn không có thanh truyền lực có bề rộng từ 0,3-0,8cm, khe sâu 6cm, được chèn bằng matit;

- Kết cấu khe giãn có thanh truyền lực như sau:

+ Khe giãn có bề rộng từ 2-2,5cm, khe sâu 25cm, được chèn bằng matit và gỗ đệm;

+ Bố trí thanh truyền lực bằng thép tròn trơn đường kính D32 đặt trên giá đỡ bằng thép tròn D12, D14.

2.2. Điều chỉnh hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến

a) Điều chỉnh thoát nước dọc tuyến số 1:

- Tại vị trí điểm xả DX4: Do phía trái tuyến nhà dân đã tôn cao nền nên không thể bố trí điểm xả DX4 tại vị trí này nữa, để đảm bảo thoát được nước phải bổ sung thêm đoạn cống D1000 từ ga 81/10c sang ga 82/10a dài 26m và bổ sung đoạn cống D1000 từ ga 206/10b đến ga 207/10a dài 26m; bỏ đoạn cống nối từ ga 81/10c đến CX4 (*Từ cọc 140 km²+462,96 đến cọc 142 km²+498,96 đầu nối 2 bên từ hố ga 81- 82 và 206 đến 207, bổ sung nối dài cống thoát nước mưa dọc tuyến (D1000, l=2,5m)*);

- Tại vị trí điểm xả DX5: Do phía trái tuyến nền cao hơn, lại không thể đào rãnh dẫn dòng về mương được nên không thể bố trí điểm xả DX5 tại vị trí này nữa, để đảm bảo thoát được nước phải bổ sung thêm đoạn cống D1000 từ ga 102 sang ga 103 dài 34m và bổ sung đoạn cống D1000 từ ga 227/10b đến ga 228/10a dài 34m; bỏ đoạn cống nối từ ga 102/10c đến DX5 (*Tại cọc 180 km³+102,53 đến cọc 183 km³ +137,5, bổ sung nối dài cống thoát nước mưa dọc tuyến (D1000, l=2,5m), đầu nối 2 bên từ hố ga 102 đến hố ga 103 và hố ga 227 đến 228*).

b) Điều chỉnh điểm xả:

- Tuyến 1: Cống dọc tuyến xả nước ra 6 điểm xả tại các vị trí cọc DX1 cọc 16, DX2 cọc 64, DX3 cọc 88, DX4 cọc 140, DX5 cọc 180, DX6 cọc 252 nay điều chỉnh giảm 2 vị trí xả DX4 cọc 140 và DX5 cọc 180.

- Các tuyến khác (2, 3, 4, T1N1) các điểm xả không thay đổi.

c) Điều chỉnh cống ngang:

- Điều chỉnh lại hướng cống ngầm cọc 209 Km³+469,35 phù hợp theo thực tế hiện trạng;

- Tại vị trí cọc 209 km³+496.35 nằm trên tuyến số 1, khi thi công nền đào phát hiện 01 hang caster đùn nước, lượng nước không liên tục và không điều tra được mạch nguồn, khi mưa chảy to, nay các bên đã đề xuất biện pháp xử lý bổ sung 01 cống D1000 chìm dưới lòng đường với kết cấu hố ga bê tông cốt thép chìm thu toàn bộ mạch nước chính hang Caster, đồng thời bố trí đường thăm bằng đá dọc 2 bên cống D1000 chìm này, để thu các mạch phụ, sau đó nước tại

mạch caster được thu gom và dẫn ra ngoài rãnh thu nước dưới chân ta luy đường phía hạ lưu cống hộp đôi cọc 209;

- Điều chỉnh lại hướng cống ngầm cọc 209 Km3+469,35 phù hợp theo thực tế hiện trạng;

- Bổ sung hố ga, cống thoát nước rãnh dọc tại vị trí cọc C209 bên phải tuyến;

- Bổ sung thiết kế mương thoát nước từ cọc C209 đến cọc C249, lý trình Km3+496,35 đến Km3+894,01, L=397,66m. Kết cấu mương đá hộp xây 2mx2m, xử lý móng bằng đóng cọc cừ, cọc tre đoạn qua các vị trí ao, nền yếu có bùn;

- Điều chỉnh cống hộp 2x2m tại vị trí cọc C238, Km3+798,62, tìm cống dịch về đầu tuyến 2,4m so với hồ sơ thiết kế để phù hợp với thực tế hiện trường;

2.3. Các giải pháp về thiết kế bình đồ, trắc dọc tuyến, trắc ngang tuyến, thiết kế hệ phố và các nội dung khác: Giữ nguyên theo quy mô đã duyệt tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 02/04/2022 của UBND huyện Mai Sơn.

3. Xử lý kỹ thuật

- Bổ sung kê ốp mái gia cố các vị trí cống hộp 2x2m các cọc (C215, C238, cọc 4 tuyến 1.1) ốp mái cống phun nước ngầm cọc 209 km3+496,35;

- Bổ sung khối lượng đào đá, giảm trừ khối lượng đào đất từ cọc 12 (km0+123,57) đến cọc 14 (km0+ 163,45) và tại cọc 18 (km0+ 625,30).

- Bổ sung cống hộp nối từ vị trí mương hở cọc C226 (km3+695,17) đến cọc 247+13 m (km3 +857,51) để đảm bảo phù hợp với quy hoạch chợ sau này.

4. Nội dung, khối lượng chi tiết: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở thẩm định (Kết quả thẩm định số 78/KQTĐ-SXD ngày 22/5/2024 của Sở Xây dựng).

5. Các nội dung khác có liên quan: Thực hiện theo Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Đơn vị tư vấn lập hồ sơ điều chỉnh dự án: Liên danh Công ty Cổ phần Star Hưng Phát và Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Sao Khuê; Địa chỉ nhà thầu chính đứng đầu liên danh: số 387, đường Xuân Phương, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; diện tích sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Dự án nhóm B;

- Công trình giao thông, đường đô thị cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Không nhỏ hơn 50 năm.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 500.000.000.000,0 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng chẵn).

Trong đó:

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị trước điều chỉnh (đồng)	Giá trị sau điều chỉnh (đồng)
1	Chi phí bồi thường, TĐC	189.594.333.000	189.594.333.000
2	Chi phí xây dựng	240.124.981.000	245.360.050.711
3	Chi phí thiết bị	3.884.169.000	5.491.432.051
4	Chi phí quản lý dự án	2.901.668.000	2.984.381.860
5	Chi phí tư vấn ĐTXD	14.833.547.000	16.243.532.509
6	Chi phí khác	5.220.631.000	7.066.763.380
7	Chi phí dự phòng	43.440.671.000	33.259.506.489
Tổng cộng		500.000.000.000	500.000.000.000

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Mai Sơn (chủ đầu tư)

- Chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu của hồ sơ trình duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án theo quy định; đồng thời làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong các khâu triển khai dự án dẫn đến chậm tiến độ thời gian theo kế hoạch; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ triển khai dự án theo quy định.

- Chủ động rà soát các nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại văn bản thông báo kết quả thẩm định số 78/KQTD-SXD ngày 22/5/2024, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện dự án bảo đảm tiến độ thời gian, kế hoạch bố trí vốn được điều chỉnh, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

- Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của chủ đầu tư theo quy định tại Điều 83 Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

2. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm tra, thẩm định hồ sơ, tổng hợp nội dung, số liệu trình duyệt điều chỉnh thời gian và cơ cấu nguồn vốn;

- Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 83a Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định theo thẩm quyền quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, KT(Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh